

IMPACT OF CONTINUOUS TRAINING AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN THE PERIOD 2015-2020: PERSPECTIVES OF STUDENTS AND EMPLOYERS

Vu Viet Hang, Nguyen Thi Bach Yen,
Dinh Thai Son, Dam Thi Tu Anh, Nguyen Thi Khanh Ly, Le Thi Hoan*

Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Dong Da Dist, Hanoi City, Vietnam

Received: 10/10/2024

Revised: 16/12/2024; Accepted: 25/12/2024

ABSTRACT

Objective: This study describes the impact of a continuous training program at Hanoi Medical University.

Methods: A cross-sectional study combining quantitative and qualitative approaches. A total of 152 alumni responded to a self-administered questionnaire, and in-depth interviews were conducted with 7 alumni and 14 unit leaders where the alumni worked. Kirkpatrick's training evaluation model was applied, focusing on behavioral changes in alumni after completing the course and returning to work.

Results: After the course, 86.8% of alumni felt more confident and independent in performing their professional duties, and 80.3% participated in training or supporting colleagues with the knowledge they had acquired, receiving high professional evaluations from peers and patients. Over 70% of alumni implemented new techniques after the course, and 61.1% of alumni and colleagues applied 1-5 new techniques together. Alumni and leaders noted that alumni helped reduce the workload after graduation.

Conclusion: CME programs have contributed to the professional development of healthcare staff and improved the operational effectiveness of their units.

Keywords: Continuous training, professional improvement, student perspectives.

*Corresponding author

Email: lethihoan@hmu.edu.vn **Phone:** (+84) 912017525 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66i1.1929**

TÁC ĐỘNG CỦA ĐÀO TẠO LIÊN TỤC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2015-2020: QUAN ĐIỂM CỦA HỌC VIÊN VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Vũ Việt Hằng, Nguyễn Thị Bạch Yến,
Đinh Thái Sơn, Đàm Thị Tú Anh, Nguyễn Thị Khánh Ly, Lê Thị Hoàn*

Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 10/10/2024

Chỉnh sửa ngày: 16/12/2024; Ngày duyệt đăng: 25/12/2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu mô tả tác động của chương trình đào tạo liên tục tại trường Đại học Y Hà Nội.

Phương pháp: Nghiên cứu ngang kết hợp định lượng và định tính. Có 152 cựu học viên trả lời bộ câu hỏi tự điền, 7 cựu học viên và 14 lãnh đạo đơn vị cựu học viên làm việc tham gia phỏng vấn sâu. Mô hình đánh giá đào tạo của Kirkpatrick được ứng dụng, tập trung vào sự thay đổi hành vi của các cựu học viên sau khi tham gia khoá đào tạo trở về nơi công tác.

Kết quả: Sau khóa học 86,8% cựu học viên thấy tự tin hơn và độc lập thực hiện công tác chuyên môn, 80,3% tham gia hỗ trợ/tập huấn đồng nghiệp thực hiện những nội dung đã học, được đồng nghiệp và người bệnh đánh giá cao về chuyên môn. Trên 70% cựu học viên đã triển khai các kỹ thuật mới sau khi hoàn thành khoá học, 61,1% cựu học viên cùng đồng nghiệp thực hiện từ 1-5 kỹ thuật mới. Cựu học viên và lãnh đạo nhận định sau khi tốt nghiệp cựu học viên đóng góp giảm áp lực công việc.

Kết luận: Các chương trình đào tạo CME đã góp phần phát triển năng lực cho cán bộ y tế và cải thiện hoạt động chuyên môn của đơn vị.

Từ khóa: Đào tạo liên tục, nâng cao chuyên môn, quan điểm của học viên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo liên tục bao gồm đào tạo bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ; cập nhật kiến thức y khoa liên tục (Continuing Medical Education - CME); phát triển nghề nghiệp liên tục; đào tạo chuyển giao kỹ thuật; đào tạo theo nhiệm vụ chỉ đạo tuyến và các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ khác cho cán bộ y tế mà không thuộc hệ thống văn bằng giáo dục quốc dân. CME là một yêu cầu bắt buộc đối với nhân viên y tế ở nhiều nước trên thế giới. Với các khóa học CME sẽ giúp nhân viên y tế không chỉ củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng mà còn góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân.¹

Tại Việt Nam, CME đã được quan tâm từ rất nhiều năm trước. Thông tư 22/2013/TT-BYT và 26/2020/TT-BYT, thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế đã nêu rõ yêu cầu cần thiết nhân viên y tế được đào tạo liên tục.^{2,3,4}

Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội, trường Đại học Y Hà Nội được thành lập từ năm 2011, cung cấp khóa đào tạo liên tục cho các cán bộ y tế. Để đánh giá tác

động của các khóa đào tạo, theo đề xuất của mô hình Kirkpatrick, sẽ tập trung vào đánh giá thay đổi về thực hiện các kỹ thuật đã được đào tạo của cựu học viên và những đóng góp của cựu học viên cho hoạt động chăm sóc sức khỏe của cơ sở y tế.⁵ Nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả tác động của chương trình đào tạo liên tục CME do Trung tâm phối hợp với các Bộ môn trong trường Đại học Y Hà Nội tổ chức trong giai đoạn từ 2015-2020 trong việc thực hiện các công tác chuyên môn, khả năng triển khai kỹ thuật mới đã được đào tạo và đóng góp cho đơn vị công tác trong việc giảm áp lực công việc, nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh cho người dân, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội về đào tạo y khoa liên tục trong tình hình mới.

Mục tiêu nghiên cứu: *Mô tả tác động của chương trình đào tạo liên tục (CME) tại Trường Đại học Y Hà Nội giai đoạn 2015-2020 từ góc nhìn của cựu học viên và lãnh đạo đơn vị nơi cựu học viên công tác.*

*Tác giả liên hệ

Email: lethihoan@hmu.edu.vn **Điện thoại:** (+84) 912017525 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66i1.1929**

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu phỏng vấn sâu các cựu học viên tham gia khóa đào tạo tại Trung tâm theo nhu cầu xã hội giai đoạn 2015-2020, cùng lãnh đạo cơ quan nơi họ công tác. Các cựu học viên (không phân biệt học viên tự ghi danh hay được cử đi học theo hình thức đặt hàng của cơ quan y tế) đến từ Phú Thọ, Quảng Ninh, Ninh Bình và Thanh Hóa, thuộc ba vùng: trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc, Bắc Trung Bộ.

2.2. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp giữa định tính và định lượng. Ứng dụng mô hình Đánh giá đào tạo 4 cấp độ của Kirkpatrick, tập trung vào cấp độ 3 là sự thay đổi hành vi của các cựu học viên sau khi tham gia khóa đào tạo trở về nơi công tác. Các biến số sử dụng trong nghiên cứu định lượng gồm: tuổi, giới, dân tộc, nơi làm việc trước khi đi học, chuyên ngành đào tạo, loại khóa học, năm tham gia, nhóm biến số liên quan đến sự phát triển năng lực bản thân, nhóm biến số tự đánh giá về năng lực thực hiện các kỹ thuật.

2.3. Chọn mẫu và cỡ mẫu

Nghiên cứu định lượng sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, nghiên cứu định tính sử dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích. Phần định lượng gửi câu hỏi tự điền cho cựu học viên tham gia khóa đào tạo giai đoạn 2015-2020, với 152 phiếu hoàn chỉnh được phân tích. Phần định tính chọn 1 bệnh viện tỉnh và 1 bệnh viện/trung tâm y tế huyện ở mỗi tỉnh, mời 14 lãnh đạo và 7 cựu học viên tham gia phỏng vấn sâu.

2.4. Phương pháp thu thập số liệu được dùng trong nghiên cứu

Nghiên cứu định lượng sử dụng bộ câu hỏi tự điền, thiết kế trên phần mềm Redcap, gửi đến các cựu học viên của trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội giai đoạn 2015-2020. Bộ câu hỏi không định danh, tập trung vào khả năng chuyên môn và những đóng góp sau khóa học. Cựu học viên được mời tham gia qua email và trả lời trực tuyến, với 152 phiếu hoàn chỉnh được đưa vào phân tích. Nghiên cứu định tính sử dụng hướng dẫn phỏng vấn sâu với cựu học viên, lãnh đạo khoa/phòng và lãnh đạo bệnh viện, trung tâm y tế. Phỏng vấn sâu được thực hiện trực tuyến qua phần mềm Zoom.

2.5. Biến số và nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu định lượng thu thập thông tin về tuổi, giới tính, dân tộc, nơi làm việc trước khi học, và chuyên ngành. Tác động của chương trình đào tạo được đánh giá qua sự thay đổi năng lực chuyên môn, thăng tiến, tự tin, khả năng thực hiện độc lập và hỗ trợ đồng nghiệp, số dịch vụ/ kỹ thuật cựu học viên chủ trì sau khóa học, và các dịch vụ mới triển khai nhờ họ. Nghiên cứu cũng xem xét lý do chưa thực hiện được kỹ thuật mong muốn và ảnh hưởng của việc triển khai kỹ thuật đến nguồn thu đơn vị. Phần định tính tập trung vào năng lực chuyên

môn, mức độ thành thạo và đóng góp vào hoạt động khám chữa bệnh.

2.6. Phân tích và xử lý số liệu

Dữ liệu thu thập trực tuyến sẽ được làm sạch trước khi phân tích, các bản ghi thiếu dữ liệu bị loại bỏ. Biến định lượng được mô tả qua trung bình và độ lệch chuẩn. Biến định tính sẽ được thể hiện bằng tần số và tỷ lệ phần trăm. Nội dung phỏng vấn sâu sẽ được tổng hợp bằng phương pháp phân tích nội dung.

2.7. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được Hội đồng khoa học thông qua đề tài tại cơ sở tại trường Đại học Y Hà Nội. Nội dung trả lời được giữ bí mật, đối tượng nghiên cứu không bị nhận ra trong báo cáo phân tích, kết quả nghiên cứu chỉ được phục vụ cho nghiên cứu mà không được phục vụ cho bất kỳ hoạt động thương mại nào khác.

3. KẾT QUẢ

3.1. Thông tin chung

Kết quả định lượng cho thấy 152 cựu học viên tham gia, với tuổi trung bình $32,6 \pm 7,6$, tỷ lệ nam nữ gần bằng nhau, đa số là người Kinh. 73% làm việc tại bệnh viện các tuyến trước khi học. Chuyên ngành có nhiều cựu học viên tham gia gồm nội, ngoại, xét nghiệm y học và chẩn đoán hình ảnh, với 52,6% tham gia khóa ngắn hạn, còn lại là khóa định hướng chuyên khoa.

Bảng 1. Đặc điểm cựu học viên tham gia nghiên cứu

Đặc điểm đối tượng		n	%
Cựu học viên tham gia		152	
Tuổi (n=152)		$32,6 \pm 7,6$	
Giới (n= 152)	Nam	75	49,3
	Nữ	77	50,7
Dân tộc (n = 152)	Kinh	135	88,8
	Dân tộc thiểu số	17	11,6
Nơi làm việc trước khi đi học (n = 141)	BV tuyến trung ương	23	14,9
	BV tỉnh	38	25,1
	BV huyện	25	23,3
	Sinh viên mới tốt nghiệp	25	16,2
	Khác (cần ghi rõ)	30	20,4

Đặc điểm đối tượng		n	%
Chuyên ngành hiện đang công tác (n = 152)	Nội	23	15,1
	Ngoại	14	9,2
	Sản	7	4,6
	Nhi	7	4,6
	Xét nghiệm y học	23	15,1
	Chẩn đoán hình ảnh	20	13,1
	Khác	58	38,2
Loại khóa học (n = 152)	Định hướng chuyên khoa / chuyên khoa cơ bản	72	47,4
	Ngắn hạn	80	52,6
Năm tham gia học (n = 152)	2015	7	4,6
	2016	13	8,6
	2017	21	13,8
	2018	37	24,3
	2019	34	22,4
	2020	40	26,3
Cựu học viên tham gia PVS		7	
Giới	Nam	3	
	Nữ	4	
Khóa đào tạo đã học:	Cơ bản/Định hướng chuyên khoa	5	
	Ngắn hạn	2	
Nơi làm việc hiện tại	BV tuyến trung ương thị trấn/thị xã	1	
	BV tỉnh	2	
	BV huyện/TTYT	4	

Kết quả từ bảng 1 cho thấy có 7 cựu học viên tham gia phỏng vấn sâu, bao gồm 3 nam và 4 nữ, chủ yếu làm việc tại các bệnh viện và trung tâm y tế tuyến huyện. Đối với cán bộ lãnh đạo cơ quan tham gia phỏng vấn, có tổng cộng 14 cán bộ quản lý từ nơi cựu học viên công tác, trong đó 9 người là nam. Đáng chú ý, 50% trong số cán bộ lãnh đạo tham gia phỏng vấn giữ vai trò lãnh đạo trực tiếp tại khoa nơi cựu học viên làm việc.

Bảng 2. Đặc điểm cán bộ quản lý nơi cựu học viên đang công tác

Đặc điểm đối tượng tham gia nghiên cứu		n	%
Số cán bộ quản lý tham gia phỏng vấn		14	
Giới	Nam	9	64,0
	Nữ	5	36,0
Đại diện các đơn vị công tác	Lãnh đạo Sở Y tế	2	14,0
	Lãnh đạo các Bệnh viện	5	36,0
	Lãnh đạo các khoa	7	50,0

2. Tác động của các chương trình đào tạo

Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực thực hiện hoạt động chuyên môn đã được cải thiện rõ rệt sau khóa học. Trong số 152 cựu học viên tự đánh giá về sự phát triển năng lực của bản thân. Có 86,8% cựu học viên đồng ý và rất đồng ý rằng họ đã thấy tự tin hơn khi thực hiện công tác chuyên môn; 80,3% cựu học viên cho rằng đã độc lập thực hiện các công tác chuyên môn. Trên 70% cựu học sinh đồng ý và rất đồng ý với nhận định Thực hiện thành thạo và tham gia hỗ trợ/tập huấn đồng nghiệp thực hiện những nội dung đã được học và Được đồng nghiệp đánh giá cao về năng lực chuyên môn.

Bảng 3. Tự đánh giá về sự phát triển năng lực của bản thân

Nhận định	Rất không đồng ý		Không đồng ý		Phân vân		Đồng ý		Rất đồng ý	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Tự tin hơn khi thực hiện công tác	3	2,0	1	0,7	16	10,5	97	63,8	35	23,0
Độc lập thực hiện các công tác	3	2,0	3	2,0	24	15,8	96	63,2	26	17,1
Thực hiện thành thạo và tham gia hỗ trợ/tập huấn đồng nghiệp thực hiện	2	1,3	6	3,9	37	24,2	96	62,7	11	7,8

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy tham gia khóa học có tác động tích cực với khả năng thực hiện công tác chuyên môn. Cựu học viên được trang bị kiến thức, hiểu sâu hơn hoặc hệ thống cũng như cập nhật các kiến thức, được thực hành nhiều giúp họ tự tin hơn khi thực hiện hoạt động chuyên môn. Theo lãnh đạo các khoa, sau khi kết thúc khóa học trở về công tác tại bệnh viện, các cựu học sinh thể hiện tự tin trong thực hiện các kỹ thuật chuyên môn đã thu nhận được từ tham gia chương trình CME.

“Khi đi học được thực hành nhiều những kiến thức mình học. Ở các bệnh viện em đã được thực hành 7 tháng nên khi về cơ quan em không bị bỡ ngỡ bắt tay vào làm luôn, em cảm thấy tự tin hoàn toàn khi làm việc” - PVS cựu học viên học

“Khoa tôi có 3 bác sĩ được cử đi học, 1 bác sĩ học định hướng chuyên khoa, 2 bác sĩ học các khoá ngắn hạn siêu âm 3 tháng, cả 3 bác sĩ đều hoàn thành tốt chương trình học, sau khóa học về bệnh viện bắt tay vào làm việc luôn, họ đều tự tin và không gặp khó khăn gì”. - PVS lãnh đạo khoa

Bảng 4 đã cho thấy gần 80% cựu học viên đã chủ trì được tối thiểu 1 kỹ thuật, trong đó có trên 17% số cựu học viên chủ trì được trên 5 kỹ thuật. Sau khi tốt nghiệp cựu học viên cùng đồng nghiệp đã thực hiện được trên 5 kỹ thuật mới chiếm 7,6%; 62,1% thực hiện được từ 1-5 kỹ thuật mới tại đơn vị công tác.

Bảng 4. Tự đánh giá về khả năng thực hiện các kỹ thuật tại cơ sở y tế của cựu học viên

Các kỹ thuật	n	%
Số dịch vụ/kỹ thuật đang chủ trì thực hiện sau khi tham gia khoá học (n=144)		
Trên 5 kỹ thuật	25	17,4%
Từ 1 - 5 kỹ thuật	88	61,1%
Không chủ trì kỹ thuật nào	31	21,5%
Số dịch vụ/kỹ thuật mới được thực hiện do sự đóng góp của cựu học viên (n=145)		
Trên 5 kỹ thuật mới	11	7,6%
Từ 1 - 5 kỹ thuật mới	90	62,1%
Không có kỹ thuật mới	44	30,3%
Số dịch vụ/ kỹ thuật chuyên môn cựu học viên và đơn vị mong muốn triển khai nhưng chưa thực hiện (n=140)		
Trên 5 kỹ thuật	9	6,4%
Từ 1 - 5 kỹ thuật	96	68,6%
Không có dịch vụ/kỹ thuật nào	35	25,0%
Lý do cựu học viên và đơn vị chưa thực hiện được những Dịch vụ/ Kỹ thuật chuyên môn (n=144)		
Thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị	65	45,1%
Thiếu nhân lực được đào tạo đầy đủ	54	37,5%
Thiếu kiến thức về chuyên môn	25	17,4%
Triển khai các kỹ thuật mới sau khi hoàn thành khóa học giúp tăng nguồn thu/thu nhập (n=146)		
Có tăng thêm	94	64,4%
Không tăng thêm	52	35,6%

Gần 80% cựu học viên cho biết đã Được đồng nghiệp và bệnh nhân tin tưởng và đánh giá cao về khả năng khám chữa bệnh/chăm sóc sức khỏe và trên 70% cựu học viên cho rằng sau khi tốt nghiệp họ đã góp phần giảm bớt số lượng bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị so với trước (Bảng 5).

Bảng 5. Tự đánh giá những đóng góp cho hoạt động khám chữa bệnh của đơn vị

Nhận định	Rất không đồng ý		Không đồng ý		Phân vân		Đồng ý		Rất đồng ý	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Được đồng nghiệp tin tưởng và đánh giá cao về năng lực chuyên môn	2	1,3	6	3,9	28	18,5	100	65,8	16	10,5
Được bệnh nhân tin tưởng và đánh giá cao về khả năng khám chữa bệnh/ chăm sóc sức khỏe	3	2,0	5	3,3	27	17,8	100	65,8	17	11,2
Đã góp phần giảm số lượng bệnh nhân phải chuyển tuyến điều trị so với trước đây	2	1,3	12	7,9	31	20,4	90	59,2	17	11,2

Lãnh đạo đơn vị nhận định sau khóa học, cựu học viên thực hiện tốt chuyên môn, giảm áp lực cho đồng nghiệp, rút ngắn thời gian chờ của bệnh nhân và khắc phục tình trạng thiếu cán bộ, đặc biệt ở tuyến huyện. Học viên giúp triển khai tốt các kỹ thuật phân tuyến, giảm quá tải và vượt tuyến, thu hút thêm bệnh nhân từ các khu vực lân cận, tăng nguồn thu cho bệnh viện và giảm chi phí cho người bệnh do không phải chuyển tuyến.

“Học viên tham gia chương trình được cập nhật kiến thức và kỹ năng mới nên khi về tự tin triển khai kỹ thuật mới do vậy tỷ lệ chuyển tuyến giảm bệnh nhân ít chuyển tuyến hơn. Khi đi học về cựu học viên hỗ trợ tuyến dưới, đa số học những kỹ thuật cơ bản nội soi ở bụng, siêu âm”. - PVS lãnh đạo phòng chỉ đạo tuyến

Theo lãnh đạo các khoa, các cựu học viên sau khi tham dự chương trình CME đã chia sẻ các kiến thức và kỹ năng chuyên môn cho đồng nghiệp, hỗ trợ cán bộ mới, một số cựu học viên tham gia hỗ trợ tuyến dưới, tham gia các hoạt động chỉ đạo tuyến và tham gia các hoạt động chuyên môn khác của khoa phòng và bệnh viện.

“Khoa cử một người đi học khoá ngắn hạn yêu cầu cán bộ đó cần nắm bắt được các kỹ thuật và khi về thì chia sẻ với đồng nghiệp trong khoa để sau đó cả khoa đều thực hiện được” - PVS Lãnh đạo bệnh viện huyện

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu cho thấy khóa đào tạo CME giúp nâng cao năng lực chuyên môn, cải thiện kỹ năng khám chữa bệnh, và đóng góp tích cực vào hoạt động tại đơn vị. Trên 80% cựu học viên cho biết họ tự tin hơn khi thực hiện công tác chuyên môn sau khóa học. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước đây về tác động của CME, trong đó bác sĩ chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng cải thiện rõ rệt về kiến thức và sự tự tin trong thực hành lâm sàng.⁶

Đa số cựu học viên sau khóa CME đã triển khai kỹ thuật

mới tại đơn vị, nhưng 30% chưa thực hiện do thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị, và nhân lực. Các đơn vị cần giải quyết vấn đề này để phát huy hiệu quả nguồn nhân lực đã được đào tạo.

Phần lớn cựu học viên và toàn bộ lãnh đạo đơn vị nơi cựu học viên công tác đều đánh giá cựu học viên đã có đóng góp đáng kể vào cải tiến hoạt động tại đơn vị như giảm tải áp lực công việc cho đồng nghiệp, tham gia phổ biến kiến thức kỹ năng đã được học cho đồng nghiệp và giảm số lượng bệnh nhân chuyển tuyến. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với nghiên cứu cho rằng tham gia đào tạo CME liên quan đến mức độ kiệt sức thấp hơn của nhân viên y tế.⁷ Việc học tập phát triển kỹ năng làm hài lòng và tiếp thêm sinh lực cho nhân viên y tế.⁸

Một nguồn lực quan trọng dành cho các chuyên gia chăm sóc sức khỏe và giúp chống lại tình trạng kiệt sức theo cách có hiệu quả cao về mặt chi phí iệc học tập, phát triển kỹ năng và phát triển trí tuệ đang làm hài lòng và tiếp thêm sinh lực cho các chuyên gia chăm sóc sức khỏe và là cơ hội có ý nghĩa để các nhà lãnh đạo hệ thống y tế tạo ra tác động

Những kết quả từ nghiên cứu cho thấy chính sách về đào tạo liên tục cho nhân viên y tế đã góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, cải tiến chất lượng dịch vụ, đặc biệt cho cơ sở y tế địa phương, qua đó góp phần giảm tải bệnh viện tuyến trên, đang là vấn đề quan tâm giải quyết của ngành y tế hiện nay.

Nghiên cứu định lượng có số mẫu nhỏ, và định tính chỉ thu thập thông tin từ cựu học viên các khóa học Định hướng chuyên khoa hoặc Cơ bản kéo dài 6 tháng trở lên, tập trung vào một số chuyên ngành như Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm y học, Nội khoa, Ngoại khoa, và Sản khoa. Do đó, kết quả chưa phản ánh được tác động của các khóa CME chuyên ngành khác hoặc khóa học ngắn hạn. Cần đánh giá sâu hơn theo chuyên ngành và khóa học ngắn để rút ra bài học toàn diện hơn về đào tạo CME.

5. KẾT LUẬN

Các chương trình đào tạo CME đã góp phần phát triển năng lực cho cán bộ y tế và cải thiện hoạt động chuyên môn của đơn vị. Đa số học viên cảm thấy tự tin trong công việc và triển khai được các kỹ thuật mới. Cả lãnh đạo đơn vị và cựu học viên đều ghi nhận rằng sau tốt nghiệp, học viên đã đóng góp đáng kể, giúp giảm áp lực cho đồng nghiệp.

LỜI CẢM ƠN

Trân trọng cảm ơn các cựu học viên và các lãnh đạo Sở Y tế, Bệnh viện và Khoa nơi cựu học viên công tác đã tham gia điền phiếu trả lời, cũng như tham dự trả lời các cuộc phỏng vấn sâu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Peck C, McCall M, McLaren B, Rotem T. Continuing medical education and continuing professional development: international comparisons. *BMJ*. 2000;320(7232):432-435.
- [2] Bộ Y tế. Thông tư 22/2013/TT-BYT Hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán Bộ Y tế - Cơ sở dữ liệu quốc gia về VBQPPL - Bộ Y tế. <https://vbpl.vn/boyte/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=46966>. Accessed June 2, 2024.
- [3] Bộ Y tế. Thông tư 26/2020/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2013/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế. <http://asttmoh.vn/thong-tu-26-2020-tt-byt-sua-doi-bo-sung-mot-so-dieu-cua-thong-tu-22-2013-tt-byt-cua-bo-truong-bo-y-te-huong-dan-viec-dao-tao-lien-tuc-cho-can-bo-y-te/>. Accessed June 2, 2024.
- [4] Bộ Y tế. Thông tư 32/2023/TT-BYT hướng dẫn Luật Khám bệnh chữa bệnh mới nhất. THƯ VIỆN PHÁP LUẬT. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-32-2023-TT-BYT-huong-dan-Luat-Kham-benh-chua-benh-593360.aspx>. Published March 6, 2024. Accessed June 2, 2024.
- [5] Smidt A, Balandin S, Sigafos J, Reed VA. The Kirkpatrick model: A useful tool for evaluating training outcomes. *J Intellect Dev Disabil*. 2009;34(3):266-274.
- [6] Brøndt A, Sokolowski I, Olesen F, Vedsted P. Continuing medical education and burnout among Danish GPs. *Br J Gen Pract*. 2008;58(546):15-19. doi:10.3399/bjgp08X263767
- [7] Griebenow R, Herrmann H, Smith M, et al. Continuing Education as a Contributor to Mitigating Physician Burnout. *J CME*. 2023;12(1):2272461.
- [8] Kushnir T, Cohen AH, Kitai E. Continuing medical education and primary physicians' job stress, burnout and dissatisfaction. *Med Educ*. 2000;34(6):430-436.